

KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ LẠI  
NĂM HỌC 2024 - 2025

| STT | Tên học sinh           | Mã học sinh | Lớp   | Rèn luyện | Học tập  | Loại             | Môn đăng ký kiểm tra lại | Kết quả kiểm tra lại |           |        |         |         |         | Kết luận sau kiểm tra, đánh giá lại |          |                    |
|-----|------------------------|-------------|-------|-----------|----------|------------------|--------------------------|----------------------|-----------|--------|---------|---------|---------|-------------------------------------|----------|--------------------|
|     |                        |             |       |           |          |                  |                          | Toán                 | Tiếng Anh | Vật lí | Hóa học | Lịch sử | Tin học | Rèn luyện                           | Học tập  | Thuộc diện         |
| 1   | Nguyễn Phước Quý Thanh | 23394       | 10B01 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 1.5                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Chưa đạt | Không được lên lớp |
| 2   | Phạm Huỳnh Gia Bảo     | 240077      | 10B03 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 4.8                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 3   | Bùi Thị Yến Nhi        | 240136      | 10B04 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 1.3                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Chưa đạt | Không được lên lớp |
| 4   | Nguyễn Quốc Toàn       | 240385      | 10B10 | Tốt       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 3.5                  |           |        |         |         |         | Tốt                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 5   | Vương Tấn Đạt          | 240079      | 10B03 | Chưa đạt  | Đạt      | Rèn luyện hè     |                          |                      |           |        |         |         |         | Đạt                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 6   | Vũ Đình Đạt            | 23072       | 11A04 | Tốt       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Hóa                      |                      |           |        | 6.5     |         |         | Tốt                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 7   | H Duyên Krông          | 23111       | 11A06 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Lịch sử, Tin học         |                      |           |        |         | 5.5     | 5.2     | Khá                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 8   | Nguyễn Thị Thùy Linh   | 23231       | 11A10 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 3.8                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 9   | Nguyễn Thị Yến Nhi     | 23518       | 11A10 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán, Tiếng Anh          | 3.8                  | 4.5       |        |         |         |         | Khá                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 10  | Nguyễn Thị Hoài Thu    | 23415       | 11A10 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 3.6                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 11  | Trương Anh Thư         | 23419       | 11A10 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 5.5                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 12  | H - Xuyên - Mlô        | 23497       | 11A10 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 2.3                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Chưa đạt | Không được lên lớp |
| 13  | Y Yuer Krông           | 23505       | 11A10 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 1.4                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Chưa đạt | Không được lên lớp |
| 14  | Cao Hoàng Anh          | 23026       | 11A11 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán, Vật lí, Tiếng Anh  | 6.0                  | 7.3       | 8.7    |         |         |         | Khá                                 | Đạt      | Lên lớp            |
| 15  | Đỗ Quý Đạt             | 23076       | 11A12 | Khá       | Chưa đạt | KT, đánh giá lại | Toán                     | 2.0                  |           |        |         |         |         | Khá                                 | Chưa đạt | Không được lên lớp |
| 16  | Nguyễn Phú Lâm         | 23513       | 11A05 | Chưa đạt  | Đạt      | Rèn luyện hè     |                          |                      |           |        |         |         |         | Đạt                                 | Đạt      | Lên lớp            |

| Khối | SL HS Kiểm tra,<br>Đánh giá lại | Rèn luyện<br>hè | Lên lớp sau<br>RLH | Kiểm tra lại | Lên lớp sau Kiểm tra lại |       | Lên lớp sau Kiểm tra,<br>Đánh giá lại |       |
|------|---------------------------------|-----------------|--------------------|--------------|--------------------------|-------|---------------------------------------|-------|
|      |                                 |                 |                    |              | SL                       | %     | SL                                    | %     |
| K10  | 5                               | 1               | 1                  | 4            | 2                        | 50    | 3                                     | 60    |
| K11  | 11                              | 1               | 1                  | 10           | 7                        | 70    | 8                                     | 72.73 |
| Tổng | 16                              | 2               | 2                  | 14           | 9                        | 64.29 | 11                                    | 68.75 |

*Ea Kar, ngày 08 tháng 8 năm 2025*

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Đức Khanh**